TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2018
Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy;

Ông Trần Duy Hồ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khóm C, phường L, thị xã H, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khóm C, phường L, thị xã H, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Huỳnh Thanh B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khóm C, phường L, thị xã H, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 và bản tự khai ngày 03/11/2017 nguyên đơn bà Đoàn Thị X trình bày: Được gia đình hai bên đồng ý, nên bà và ông Phạm Văn N tổ chức đám cưới vào năm 1981 cho đến nay. Bà và ông N không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhiều năm, nhưng đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng vợ con bằng những lời lẽ thô tục, cùng năm 2003 thì bà và ông N ly thân, sau đó vợ chồng đoàn tụ. Năm 2008 bà và ông N tiếp tục ly thân, sau đó vợ chồng đoàn tụ chung sống lại. Nhưng ông N vẫn tính nào tật nấy không sửa đổi nên vào năm 2015 bà và ông N ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân, nay bà yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà X yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị X, sinh năm 1981 đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Văn N Trình bày tại bản tự khai ngày 03/11/2017:

Ông thống nhất theo lời trình bày về hôn nhân cũng như cuộc sống vợ chồng của ông và bà X, vợ chồng ông cưới nhau vào năm 1981, không có đăng ký kết hôn.

- Về hôn nhân: Ông thống nhất ly hôn với bà Đoàn Thị X.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị X, sinh năm 1981 đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm C, phường L, thị xã H trị giá căn nhà và đất là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Nhưng vào ngày 23/10/2017 bà X yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà là giao cho ông 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) bà X quản lý căn nhà nhưng số tiền trên bà X đưa cho ông thì con là Phạm Thị X lấy tiền để vào cặp không đưa số tiền trên cho ông. Tài sản thứ hai là tiền chuộc đất 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), ông với bà X cũng thống nhất chia đôi mỗi người 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) nhưng ông không có nhận tiền mà do con là Phạm thị X nhận. Nay ông yêu cầu bà X và Phạm Thị X phải đưa lại cho ông tổng số 02 khoản tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Về nợ chung: Nợ tiền thức ăn nuôi cá của Huỳnh Thanh B ngụ khóm Cồng Cộc, phường An Lạc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ông yêu cầu số nợ chung vợ chồng cùng nhau trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2018 ông Phạm Văn N có thay đổi yêu cầu về hôn nhân ông không thống nhất ly hôn và xin rút lại phần yêu cầu bà X và chị X giao lại cho ông 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), về phần nợ 50.000.000đ

(Năm mươi triệu đồng) tiền thức ăn của anh Huỳnh Thanh B cũng không yêu cầu bà X cùng trả nợ vì ông B trình bày tại tờ tường trình ngày 05/12/2017 ông B chưa có yêu cầu khởi kiện ông N và bà X trả nợ. Do đó, ông N xác định về tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh B trình bày: Ông có bán thức ăn cho vợ chồng ông Phạm Văn N vào năm 2016 đến thời điểm này vợ chồng ông N còn nợ tiền thức ăn của anh là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng). Nhưng hiện nay anh chưa có yêu cầu khởi kiện ông N, khi nào có yêu cầu ông khởi kiện ông N bằng vụ kiện khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát ý kiến về vụ án: Bà Đoàn Thị X và ông Phạm Văn N là vợ chồng kết hôn vào năm 1981, không có đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập vào năm 1981. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà Đoàn Thị X yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N thì Tòa án giải quyết theo quy định về ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẩn, ông N dùng những lời lẽ thô tục chửi bà X, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Qua việc xác minh của Tòa án nhận thấy mối quan hệ giữa bà X và ông Nghã đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị X là có căn cứ.

- Về con chung: Có 01con chung tên Phạm Thị X, sinh năm 1981 đã trưởng thành, nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Đã thỏa thuận xong, nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Việc Bà Đoàn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với ông Phạm Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Về thủ tục tố tụng ông Phạm Văn N có nhận thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Phạm Văn N có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/11/2017. Đến 19/01/2018 ông Phạm Văn N có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án gồm các phiên họp, hòa giải và xét xử. Xét thấy việc xin vắng mặt của ông Pham Văn N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy năm 1981 bà Đoàn Thị X và ông N tổ chức đám cưới và chung sống với nhau cho đến nay, không có đăng ký kết hôn nhưng do hôn nhân của bà Đoàn Thị X và ông Phạm Văn N được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật. Theo quy đinh tại điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 trong trường hợp này nếu có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét việc bà Đoàn Thị X yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Văn N là có căn cứ vì giữa bà với ông N có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều lần do ông N thường hay uống rượu và có những lời lẽ không tốt với bà X, ông N có đập phá vật dụng sinh hoạt trong gia đình, bà X đã trình báo với chính quyền địa phương lập biên bản đối với hành vi gây rối an ninh trật tự ở địa phương của ông N. Bà X và ông N đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay mà vợ chồng không tạo điều kiện để hàn gắn được và tại bản khai ngày 03/11/2017 ông N cũng thống nhất ly hôn với bà X, chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã rạng nứt mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Đoàn Thị X được ly hôn với ông Phạm Văn N là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị X, sinh năm 1981 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tại phiên tòa hôm nay là phù hợp nên chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình. Đối với phần tiền tạm ứng án phí về tranh chấp tài sản mà nguyên đơn bà Đoàn Thị X đã nộp, bà Đoàn Thị X được nhận lại vì phần tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị X. Cho Đoàn Thị X được ly hôn với ông Phạm Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị X, sinh năm 1981 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Do anh Huỳnh Thanh B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị X chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Đoàn Thị X đã nộp là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 14115 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Bà X được nhận lại 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Dung